TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2018
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức;
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Danh;
Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Mai Tấn B, sinh năm: 1967;
Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Hồ Thị Thanh H, sinh năm: 1965;
Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Mai Tấn B trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Hồ Thị Thanh H tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 15/8/1985 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Khánh theo số 2079, quyển 02. Quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, gia đình, quan điểm sống đến năm 1992 thì bị đơn bỏ nhà đi, không có liên lạc gì. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung Mai Tấn T, sinh ngày 14/11/1985 và Mai Thị Hoài T, sinh ngày: 11/8/1987, hiện nay các con đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra, ông B còn có một người con riêng với người khác tên Mai Thành T, sinh ngày: 25/4/1994. Ông B không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn Hồ Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo yêu cầu của nguyên đơn; Về con chung: Có 02 con chung Mai Tấn T, sinh ngày 14/11/1985 và Mai Thị Hoài T, sinh ngày: 11/8/1987, hiện nay các con đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết; Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Mai Tấn B và bị đơn Hồ Thị Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/8/1985 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Khánh tại quyển số 02, số 2079 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn sống chung với nhau đến năm 1992 thì xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng và sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 02 con chung Mai Tấn T, sinh ngày 14/11/1985 và Mai Thị Hoài T, sinh ngày: 11/8/1987, hiện nay các con đều trưởng thành, các đương sự đều không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng cháu Mai Thanh T, sinh ngày 25/4/1994 là con riêng của ông B, hiện đã trưởng thành, Tòa không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Mai Tấn B được ly hôn với bị đơn Hồ Thị Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung Mai Tấn T, sinh ngày 14/11/1985 và Mai Thị Hoài T, sinh ngày: 11/8/1987, hiện nay các con đều trưởng thành, các đương sự đều không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét .

4. Về án phí: Nguyên đơn Mai Tấn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo các biên lai số AA/2015/0005664 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức